

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI

1 HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC ĐỌC

1.1. Dạy học đọc VB truyện

a. VB truyện và mục tiêu dạy học đọc VB truyện trong SGK Ngữ văn 6

- Truyện là thể loại được dạy học nhiều nhất trong SGK Ngữ văn nói chung. Ở SGK Ngữ văn 6 có đến 4/9 bài học mà thể loại chính là truyện, trong đó có 2 bài dành cho truyện hiện đại và 2 bài dành cho truyện dân gian. Cụ thể, SGK Ngữ văn 6, tập một (bài 1 và 3) có 4 VB đọc chính là truyện hiện đại: *Bài học đường đời đầu tiên* (trích *Dế Mèn phiêu lưu kí*, Tô Hoài), *Nếu cậu muốn có một người bạn...* (trích *Hoàng tử bé*, Antoine De Saint-Exupéry), *Cô bé bán diêm* (Hans Christian Andersen), *Gió lạnh đầu mùa* (Thạch Lam). Cả 4 VB này đều có những chủ đề rất gần gũi, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi thiếu nhi: tình bạn và sự yêu thương, chia sẻ.

SGK Ngữ văn 6, tập hai, ở bài 6 và 7 có 5 VB đọc chính là truyện dân gian, trong đó có 2 truyện thuyết và 3 truyện cổ tích: *Thánh Gióng* (truyền thuyết Việt Nam); *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* (truyền thuyết Việt Nam); *Thạch Sanh* (truyện cổ tích Việt Nam); *Cây khế* (truyện cổ tích Việt Nam); *Vua chích choè* (truyện cổ Grimm).

Ở bài 2 (thể loại chính là thơ) có VB truyện *Bức tranh của em gái tôi* (Tạ Duy Anh) và bài 8 (loại VB chính là nghị luận) có VB truyện *Bài tập làm văn* (trích *Nhóc Nicolas: những chuyện chưa kể*, René Goscinny và Jean-Jacques Sempé) được đưa vào trên cơ sở kết nối về chủ đề với các VB đọc chính của hai bài này. Ngoài ra, trong cả 4 bài có thể loại chính là truyện (1, 3, 6 và 7) còn có các VB truyện đặt ở phần *Thực hành đọc* (HS tự đọc ngoài giờ lên lớp) gồm: *Những người bạn* (trích *Tôi là Bê-tô*, Nguyễn Nhật Ánh) ở bài 1, *Lucky thực sự may mắn* (trích *Chuyện con mèo dạy hải âu bay*, Luis Sepúlveda) ở bài 3, *Bánh chưng, bánh giầy* (truyền thuyết Việt Nam) ở bài 6, *Sọ Dừa* (truyện cổ tích Việt Nam) ở bài 7.

- Mục tiêu dạy học đọc VB truyện được thể hiện cụ thể trong yêu cầu cần đạt các bài học 1, 3, 6 và 7; chủ yếu tập trung vào yêu cầu: nhận biết được một số yếu tố cơ bản của truyện đồng thoại, truyện truyền thuyết và truyện cổ tích; nhận biết người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba; nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật; nhận biết được những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai VB; nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.



b. Chuẩn bị

- **Những kiến thức GV cần nắm**
 - + Với lớp 6, tuy yêu cầu cần đạt của chương trình chưa đòi hỏi phải khai thác sâu đặc điểm thi pháp của các thể loại truyện, nhưng GV cần nắm vững kiến thức về thể loại truyện nói chung và truyện đồng thoại, truyện truyền thuyết, truyện cổ tích nói riêng. Từ đó, có thể định hướng tổ chức các hoạt động dạy học đọc theo “mã” thể loại; giúp HS phát triển năng lực đọc hiểu VB truyện.
 - + Những kiến thức cơ bản GV cần nắm gồm có các yếu tố cơ bản của truyện nói chung như: cốt truyện, người kể chuyện, nhân vật; đặc điểm của truyện đồng thoại, truyện truyền thuyết, truyện cổ tích.
 - *Cốt truyện* là hệ thống các sự kiện cụ thể, được sắp xếp theo một trình tự nhất định, có mở đầu, diễn biến và kết thúc. Cốt truyện cổ điển thường được tổ chức theo quan hệ nhân quả, với 5 thành phần: *trình bày, thắt nút, phát triển, cao trào, mở nút*. Cốt truyện hiện đại có xu hướng thoát khỏi mô hình nhân quả và phá vỡ tính liên tục về thời gian. Cốt truyện vừa là phương tiện khám phá tính cách nhân vật, tái hiện bức tranh đời sống, phản ánh xung đột xã hội vừa tạo nên sức hấp dẫn cho truyện kể. Hiểu nội dung và kết cấu cốt truyện là điều kiện đầu tiên để hiểu nhân vật và chủ đề của tác phẩm.
 - *Người kể chuyện* là nhân vật do tác giả tạo ra để kể lại câu chuyện. Người kể chuyện ngôi thứ nhất (xưng “tôi”) là một nhân vật trong truyện, chứng kiến và kể lại các sự kiện nên không chỉ kể mà còn có thể trực tiếp bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ. Người kể chuyện ngôi thứ ba “giấu mình” khiến người đọc có cảm giác câu chuyện như đang tự nó diễn ra. Mỗi loại ngôi kể đều có thể mạnh và giới hạn nhất định. Ngôi kể thứ nhất gắn liền với phạm vi hiểu biết, quan điểm của một người; trong khi ngôi kể thứ ba lại có khả năng “biết hết” mọi chuyện. Hai loại ngôi kể này có thể kết hợp, đan cài trong truyện kể hiện đại. Lời kể của người kể chuyện không chỉ tái hiện bức tranh đời sống mà còn bộc lộ cách nhìn nhận, đánh giá về bức tranh đời sống ấy. Vì vậy, khi đọc hiểu VB truyện, rất cần xác định rõ ngôi kể, giọng điệu và điểm nhìn của người kể chuyện.
 - *Nhân vật* là con người, thần tiên, ma quỷ, con vật, đồ vật,... có đời sống, tính cách riêng được nhà văn khắc họa trong tác phẩm. Nhân vật là yếu tố quan trọng nhất của truyện kể, gắn chặt với chủ đề tác phẩm và thể hiện lí tưởng thẩm mĩ, quan niệm nghệ thuật của nhà văn về con người. Nhân vật thường được miêu tả bằng các chi tiết *ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động, cảm xúc, suy nghĩ, mối quan hệ với các nhân vật khác*,...
 - *Truyện đồng thoại*: một thể loại truyện viết cho trẻ em, với nhân vật chính thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân hóa. Các tác giả truyện đồng thoại sử dụng “tiếng chim lời thú” ngộ nghĩnh để nói chuyện con người nên rất thú vị và phù hợp với tâm lí trẻ thơ. Nhân vật đồng thoại vừa được miêu tả với những đặc tính riêng, vốn

có của loài vật, đồ vật vừa mang những đặc điểm của con người. Vì vậy, truyện đồng thoại rất gần gũi với truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn và có giá trị giáo dục sâu sắc. Sự kết hợp giữa hiện thực và tưởng tượng, ngôn ngữ và hình ảnh sinh động mang lại sức hấp dẫn riêng cho truyện đồng thoại. Thủ pháp nhân hoá và khoa trương cũng được coi là những hình thức nghệ thuật đặc thù của thể loại này.

- *Truyện truyền thuyết*: truyện thuyết quan tâm phản ánh những sự kiện và nhân vật có liên quan đến lịch sử qua các yếu tố hư cấu, tưởng tượng, kì ảo. Lối sự thật lịch sử ẩn chứa trong truyền thuyết nhưng truyền thuyết không phải là lịch sử mang tính khách quan mà là lịch sử được huyền thoại hoá. Truyền thuyết thường phản ánh thành tựu, chiến công của cộng đồng trong lịch sử, kết tụ qua một sự kiện lịch sử cụ thể, một nhân vật lịch sử tiêu biểu, với hai kiểu nhân vật chính: nhân vật anh hùng văn hoá (trong sự nghiệp dựng nước) và anh hùng chiến trận (trong sự nghiệp giữ nước). Nhân vật anh hùng là hình ảnh đại diện cho sức mạnh của cộng đồng, cho nguyện vọng, xu thế chung của cộng đồng. Nhiệm vụ của họ chính là nhiệm vụ trọng đại của cộng đồng tại thời điểm đó; và chiến công của họ cũng là chiến công mang tầm vóc dân tộc tại thời điểm đó.

Một mô thức chung cho mọi anh hùng của truyện thuyết là: sự ra đời thần kì (thể hiện nguồn gốc cao quý); chiến công mang màu sắc siêu nhiên, ảnh hưởng tới số phận cộng đồng; cái chết như là sự hoà thân bất tử.

Thời gian câu chuyện được kể trong truyện thuyết thường được xác định bằng một thời điểm lịch sử cụ thể nào đó (*Vào đời..., Năm thứ..., Đến năm... đời...*). Không gian trong các truyện thuyết cũng thường gắn với một địa danh cụ thể, xác định, ví dụ: truyện *Thánh Gióng* liên quan đến một số địa danh có thật như làng Phù Đổng, huyện Gia Bình, núi Trâu Sơn, núi Ninh Sóc, làng Cháy,... với nhiều dấu tích như những ao hồ liên tiếp, tre đằng ngà; truyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* nói rõ Sơn Tinh chính là thần núi Tản Viên (Ba Vì), nơi Vua Hùng đóng đô là thành Phong Châu xưa; truyện *Sự tích Hồ Gươm* gắn với những địa danh cụ thể ở vùng Thanh – Nghệ – Tĩnh và kinh đô Thăng Long – Hà Nội;...

- *Truyện cổ tích* thường có các đặc điểm nổi bật sau đây: một thế giới hư cấu, kì ảo; có chức năng nhận thức xã hội; mang tính chất giáo huấn đạo đức; có nội dung giải thích nguồn gốc, sự tích của con vật, đồ vật, phong tục, tập quán,...

Nhân vật của truyện cổ tích thường là những kiểu người đại diện cho một tầng lớp, một thế lực, được thể hiện thành những mô típ như “dũng sĩ”, “người mồ côi”, “người em út”, “người mang lốt”,... có chức năng minh họa cho quan niệm của nhân dân về thiện hoặc ác, xấu hoặc tốt, chính nghĩa hoặc phi nghĩa. Các yếu tố hành động, lời nói, hình dáng của nhân vật đều mang tính ước lệ, có tính công thức, không có dấu ấn riêng biệt, không mang tính cá thể hoá như các nhân vật trong truyện hiện đại. Với truyện cổ tích, cốt truyện (thường theo các mô típ), nhân vật và hành động của nhân vật là những đặc điểm quan trọng cần khai thác.

- Phương tiện dạy học

GV nên chuẩn bị video clip, phiếu học tập, phim, tranh ảnh có liên quan.

c. Triển khai các hoạt động dạy học

- Mở đầu bài học, GV tổ chức một số hoạt động dạy học được quy định chung cho tất cả các bài:
- + Giới thiệu bài học: GV hướng dẫn HS đọc phần giới thiệu bài học để nắm được chủ đề bài học và thể loại, loại VB đọc. HS trao đổi trong nhóm, sau đó một số HS trình bày trước lớp. GV và HS thống nhất cách hiểu.
- + Khám phá *Tri thức ngữ văn*: Ở tiểu học, HS đã học đọc một số tác phẩm truyện nhưng chưa được trang bị tri thức ngữ văn về thể loại. Vì vậy, GV cần dành thời gian cho HS đọc, nhận biết được các khái niệm công cụ: *người kể chuyện, cốt truyện, nhân vật, truyện đồng thoại, lời nhân vật và lời người kể chuyện*,... nhưng tránh đi sâu vào lí thuyết.
- Hoạt động đọc VB truyện được thực hiện theo các bước như đọc các VB thuộc những thể loại, loại VB khác, thường theo các bước: khởi động trước khi đọc, đọc VB, trả lời câu hỏi, viết kết nối với đọc (VB 3 không có yêu cầu viết kết nối với đọc, hoạt động khởi động trước khi đọc thì linh hoạt). Tuy nhiên có một số đặc điểm riêng cần lưu ý.
- + Hoạt động đọc VB: VB truyện trong SGK *Ngữ văn 6* có độ dài khoảng từ 4 đến 8 trang (gồm cả tranh minh họa). Muốn đọc hiểu tác phẩm truyện, trước hết cần nắm được cốt truyện nên HS cần được khuyến khích đọc VB trước khi đến lớp. Trên lớp, GV có thể cho HS đọc to một số đoạn quan trọng, hoặc sử dụng hình thức đọc theo “vai” (người kể chuyện, các nhân vật). Khi đọc các VB truyện, GV cần hướng dẫn HS sử dụng các chiến lược *theo dõi, dự đoán*,...
- + Hoạt động khám phá VB (trả lời câu hỏi): Như hệ thống câu hỏi sau khi đọc của *Ngữ văn 6* nói chung, các câu hỏi sau khi đọc ở bài 1, 3, 6, 7 bám sát các yêu cầu cần đạt và được thiết kế theo ba nhóm: nhận biết; phân tích, suy luận; đánh giá, vận dụng.

Nhóm câu hỏi nhận biết thường gắn với yêu cầu nhận diện người kể chuyện (ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba); tìm các chi tiết miêu tả thời gian, không gian; xác định sự kiện chính; tóm tắt được nội dung cốt truyện. Nhóm câu hỏi phân tích, suy luận giúp HS nắm bắt được đặc điểm của nhân vật qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động, suy nghĩ, cảm xúc; các yếu tố của truyện đồng thoại, truyện truyền thuyết hoặc truyện cổ tích (cốt truyện, nhân vật, lời kể,...); tiếp nhận được những bài học qua cách nghĩ, cách ứng xử được gợi ra từ các VB. Ví dụ: bài học về cách kết bạn, ý nghĩa của tình bạn và trách nhiệm với bạn bè (*Nếu cậu muốn có một người bạn...*); bài học về giá trị của tình yêu thương, sự chia sẻ (*Gió lạnh đầu mùa*);... Nhóm câu hỏi đánh giá, vận dụng chú trọng phát triển năng lực đánh giá, vận dụng của HS và bồi đắp, hoàn

thiện nhân cách cho các em. Chẳng hạn, khi trả lời câu hỏi “*Cáochia sẻ với hoàng tử bé nhiều bài học về tình bạn. Em thấy bài học nào gần gũi và có ý nghĩa nhất với chính mình?*”, HS có thể lựa chọn theo trải nghiệm cá nhân, chia sẻ về một bài học mà bản thân mình hiểu và tâm đắc. Điều này giúp HS có hứng thú và phát huy sự chủ động, độc lập, sáng tạo trong việc đọc hiểu tác phẩm.

- Một số lưu ý cho hoạt động dạy học đọc VB truyện ở đây và cũng áp dụng cho việc dạy học đọc các VB thuộc những thể loại, loại VB khác:
 - + GV nên sử dụng linh hoạt hệ thống câu hỏi (thay đổi trật tự, tách, ghép,...), bổ sung những câu hỏi mới phù hợp với đối tượng HS, hướng đến phát triển năng lực đọc của HS. Cụ thể là qua việc trả lời câu hỏi, HS biết cách đọc hiểu các VB tương tự thuộc cùng thể loại hoặc loại VB theo cùng mô hình.
 - + Sau khi trả lời câu hỏi về VB đọc thuộc thể loại, loại VB chính trong bài, HS được yêu cầu viết đoạn văn ngắn ở mục *Viết kết nối với đọc*.
 - + GV cần yêu cầu HS thực hiện nhiều hình thức hoạt động đa dạng, thể hiện vai trò chủ động, tích cực của người học:
 - Chuẩn bị bài trước ở nhà;
 - Trả lời các câu hỏi mà GV yêu cầu, nhất là câu hỏi sau khi đọc ở SHS;
 - Tương tác với GV trong hoạt động vấn đáp;
 - Hoàn thành phiếu học tập mà GV giao;
 - Trao đổi, thảo luận nhóm theo các nội dung GV nêu ra;
 - Thuyết trình kết quả trao đổi, thảo luận của nhóm nếu được giao nhiệm vụ;
 - Chuẩn bị một số tư liệu (tranh, ảnh, hiện vật, video clip) cần cho bài học và tìm ngũ liệu đọc mở rộng theo hướng dẫn của GV.

1.2. Dạy học đọc VB thơ

a. VB thơ và mục tiêu dạy học đọc VB thơ trong SGK Ngữ văn 6

- Trong *Ngữ văn 6* có 6 VB thơ được chọn làm VB đọc chính là *Chuyện cổ tích về loài người* (Xuân Quỳnh), *Mây và sóng* (R. Tagore) ở bài 2, và ba bài *ca dao về quê hương, đất nước*, *Chuyện cổ nước mình* (Lâm Thị Mỹ Dạ) ở bài 4. Có 4 VB thơ được đưa vào bài học dựa trên sự kết nối về chủ đề với các VB đọc chính: *Bắt nạt* (Nguyễn Thế Hoàng Linh) ở bài 1, *Con chào mào* (Mai Văn Phấn) ở bài 3, *Cửu Long Giang taơi* (trích, Nguyễn Hồng) ở bài 5, *Trái Đất* (Rasul Gamzatov) ở bài 9.
Ngoài ra, còn có các VB thơ được dùng để HS thực hành đọc ở các bài có thể loại chính là thơ: *Những cánh buồm* (Hoàng Trung Thông) ở bài 2 và *Hành trình của bầy ong* (Nguyễn Đức Mậu) ở bài 4.



- Các VB thơ được chọn đọc trong *Ngữ văn 6* đều là những ngữ liệu phù hợp, đáp ứng tốt yêu cầu của chương trình về phát triển kĩ năng đọc VB thơ, từ đọc hiểu hình thức, đọc hiểu nội dung đến liên hệ, so sánh, kết nối. Ở các VB thơ, hệ thống câu hỏi sau đọc trong SGK đều hướng HS tới:
- + Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét đặc đáo của bài thơ thể hiện qua số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát (chùm ca dao, *Chuyện cổ nước mình*); từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ (so sánh, điệp ngữ, nhân hoá, ẩn dụ,...); các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ (*Chuyện cổ tích về loài người*, *Mây và sóng*).
- + Nhận biết được chủ đề, thông điệp về tình cảm gia đình (*Chuyện cổ tích về loài người*, *Mây và sóng*), tình yêu quê hương đất nước (chùm ba bài ca dao về quê hương đất nước, *Chuyện cổ nước mình*).

b. Chuẩn bị

– Những kiến thức GV cần nắm

- + Kiến thức chung về *ngôn ngữ thơ*: Đó là ngôn ngữ được nhà thơ chắt lọc, lựa chọn kĩ lưỡng, vì vậy rất hàm súc, gợi hình, gợi cảm, giàu tính nhạc và thường sử dụng nhiều biện pháp tu từ,...
- + Kiến thức về *hình ảnh thơ, vần, các biện pháp tu từ* như so sánh, nhân hoá, điệp ngữ, HS đã được học ở tiểu học. GV có thể hướng dẫn HS ôn lại.
- + Ở lớp 6, GV hướng dẫn HS tìm hiểu thêm biện pháp *ẩn dụ, yếu tố tự sự và yếu tố miêu tả* trong thơ; *số tiếng, số dòng, nhịp* (thơ lục bát),... Ngoài ra, GV cũng cần hiểu biết thêm về *nhân vật trữ tình* và những yếu tố góp phần tạo nên tính nhạc cho thơ như *nhip điệu, thanh điệu, âm điệu*,...

– Phương tiện dạy học

GV nên chuẩn bị video clip (ngâm thơ, đọc thơ), phiếu học tập, phim, tranh ảnh có liên quan,...

c. Triển khai các hoạt động dạy học đọc hiểu VB thơ

Ngoài những hoạt động dạy học áp dụng chung khi mở đầu bài học giới thiệu bài học, khám phá tri thức ngữ văn) và mở đầu mỗi VB đọc thuộc thể loại, loại VB chính trong bài (khởi động trước khi đọc), việc dạy học đọc VB thơ trong *Ngữ văn 6* có một số đặc điểm riêng sau đây:

- Hoạt động đọc VB: HS cần được khuyến khích đọc VB trước khi đến lớp. GV lưu ý HS sử dụng chiến lược *hình dung* và *theo dõi* trong khi đọc VB thơ. GV cũng có thể gợi ý thêm bằng các câu hỏi nhỏ, nhưng cần tránh làm gián đoạn mạch đọc của HS.
- Hoạt động khám phá VB (trả lời câu hỏi): Hệ thống câu hỏi sau khi đọc hướng tới khai thác những đặc điểm của VB thơ cũng như những giá trị nhân văn của tác phẩm.

- Nhóm câu hỏi *nhận biết* thường hướng tới yêu cầu HS xác định những yếu tố *hình thức* thơ như số dòng, số đoạn (khổ), số tiếng trong một dòng, vần, nhịp, yếu tố tự sự, yếu tố miêu tả, các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hoá, ẩn dụ, điệp ngữ, các hình ảnh,...
- Nhóm câu hỏi *phân tích, suy luận* yêu cầu HS tìm ra những nội dung của VB thơ như cảm xúc của tác giả (tình cảm đối với trẻ thơ), chủ đề, thông điệp (về tình cảm gia đình, tình yêu quê hương, đất nước),...
- Nhóm câu hỏi *đánh giá, vận dụng* nhằm phát triển khả năng *liên hệ, so sánh, kết nối* với các VB thơ khác cùng chủ đề, thể loại; với cuộc sống và với bản thân của HS như trách nhiệm với gia đình, quê hương.

1.3. Dạy học đọc VB kí

a. VB kí và mục tiêu của việc dạy học đọc kí trong SGK Ngữ văn 6

- Trong *Ngữ văn 6* có 2 VB kí được chọn làm VB đọc chính, tập trung ở bài 5. *Những nẻo đường xưa sở*. Đó là các VB: *Cô Tô* (Nguyễn Tuân), *Hang Én* (Hà My). Có một VB kí được đưa vào bài học dựa trên sự kết nối về chủ đề với các VB đọc chính: *Cây tre Việt Nam* (Thép Mới) ở bài 4. Ngoài ra, còn có VB *Nghìn năm tháp Khuông Mỹ* (Lam Linh) dành cho HS thực hành đọc ở cuối bài 5.

Các VB kí ở *Ngữ văn 6* chủ yếu là du kí – một trong nhiều thể loại của kí. Lựa chọn du kí dạy ở lớp 6 là phù hợp tâm lí lứa tuổi. Ở tuổi này, HS đang có xu hướng đưa tầm mắt vượt khỏi mái nhà thân thuộc, hướng ra cuộc sống bên ngoài, hứng thú khám phá thế giới, thích những trải nghiệm kì thú. Dạy các bài kí cụ thể, GV không những cho HS nhận biết về thể loại du kí mà còn giúp HS bước đầu nhận biết đặc trưng của kí nói chung.

- Qua việc dạy các VB cụ thể, GV cần cho HS thấy hình thức ghi chép là dấu hiệu chính để xác định một VB kí. Ở cả ba bài kí, cách kể sự việc liên quan tới trình tự kể, cách quan sát và miêu tả của tác giả kí. Người kể chuyện ngôi thứ nhất trong du kí (thực chất là chủ thể viết kí) chính là người trực tiếp thực hiện chuyến đi. HS cần nhận biết được “cái tôi” của người viết kí qua chủ đề VB, cách thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết.

b. Chuẩn bị

- Những kiến thức GV cần nắm

- + *Đặc trưng của kí*: Kí là loại tác phẩm văn học chú trọng ghi chép sự thực (sự việc, sự vật, con người, tư tưởng, quan niệm,... có thật trong đời sống). Ở kí, có sự kết hợp giữa tự sự, trữ tình, nghị luận, tư duy khoa học. Đọc một tác phẩm kí cần chú ý đến *chủ thể viết, thông tin, bối cảnh*.
- + *Đặc điểm của thể loại du kí*: Du kí là một thể loại kí dùng để ghi chép những điều mắt thấy tai nghe của người viết qua một chuyến đi. Du kí phản ánh những nhận

biết, truyền đạt những cảm tưởng, suy nghĩ mới mẻ của người viết về cuộc sống, con người, phong tục, cảnh quan ở những miền đất mới. Đọc du ký cần khai thác các phương diện: *trình tự một bài du ký* (thường theo trình tự chuyến đi), *người viết cũng là người kể chuyện* (trực tiếp thực hiện chuyến đi, vì những mục đích khác nhau như khám phá cuộc sống của con người, trải nghiệm sống trong tự nhiên hoang dã, tìm hiểu lịch sử – văn hoá), *chi tiết xác thực* (địa danh, tên người, các số liệu, sử liệu, các hình ảnh mô tả thực tế,...).

- Phương tiện dạy học

Khi dạy du ký, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học như bản đồ, ảnh, video clip,... để thuyết minh thêm về vùng đất mà bài du ký nói tới.

c. Triển khai các hoạt động dạy học đọc hiểu VB kí

Ngoài những hoạt động dạy học áp dụng chung khi mở đầu bài học (giới thiệu bài học, khám phá tri thức ngữ văn) và mở đầu mỗi VB đọc thuộc thể loại, loại VB chính trong bài (khởi động trước khi đọc), khi dạy học đọc VB kí trong *Ngữ văn 6*, cần đặc biệt lưu ý mấy điểm sau:

- Hoạt động đọc VB: GV cần chú ý các chiến lược đọc ở mỗi bài.
- Hoạt động khám phá VB (trả lời câu hỏi): GV lưu ý 3 nhóm câu hỏi sau khi đọc một VB và hướng dẫn HS trả lời câu hỏi sau đọc. Cần chú ý, mỗi câu hỏi (tuỳ bài cụ thể) đề cập một phương diện nổi bật trong đặc trưng của du kí.
- + Những câu hỏi liên quan đến người kể chuyện, hành trình du kí, xác định địa danh, con người cụ thể, yêu cầu tìm chi tiết,... thường được đặt ở mức độ nhận biết. Đây là những câu hỏi khai thác thông tin.
- + Những loại câu hỏi yêu cầu phân tích hình ảnh, chi tiết thường được đặt ở mức độ phân tích, suy luận. GV hướng dẫn HS trên cơ sở nhận biết hình ảnh, chi tiết, biết khai thác ý nghĩa của VB, giúp HS cảm nhận được tình cảm, tư tưởng của tác giả thể hiện qua các hình ảnh, chi tiết. Cần lưu ý, ở các bài kí, hình tượng tác giả – người kể chuyện hiện lên rõ nét hơn so với các thể loại khác. Góc độ quan sát, cách nhìn, cách đánh giá, cách tiếp cận, cách đưa thông tin về đời sống thực trong kí luân phụ thuộc vào phong cách riêng của mỗi người viết, có khả năng truyền cảm và tác động mạnh đến người đọc.
- + Các câu hỏi ở mức độ đánh giá, vận dụng thường yêu cầu HS đưa ra những ý kiến riêng. Bài kí được coi là một cách tiếp cận đời sống thực của cá nhân người viết. Do vậy, khi đọc kí, người đọc hoàn toàn có thể đối thoại với ý kiến của tác giả (đồng tình, không đồng tình). Với những câu hỏi loại này, GV khuyến khích HS nói được những cảm nhận riêng, đưa ra những ý kiến riêng dựa trên kinh nghiệm, cá tính của từng em. Có thể có nhiều phương án trả lời, không nên quy về một đáp án cứng nhắc.

1.4. Dạy học đọc VB nghị luận

a. VB nghị luận và mục tiêu dạy học đọc VB nghị luận trong Ngữ văn 6

- VB nghị luận trong Ngữ văn 6 tập trung chủ yếu ở bài 8. Khác biệt và gần gũi với 2 VB đọc chính: *Xem người ta kia!* (Lạc Thanh); *Hai loại khác biệt* (Youngme Moon) và 1 VB đọc chính ở bài 10. *Cuốn sách tôi yêu: Nhà thơ Lò Ngân Sún - người con của núi* (Minh Khoa). VB đầu giúp HS nhận thức được rằng: trên đời này, mọi người có thể giống nhau ở mặt nào đó, nhưng cơ bản, mỗi người đều có sở thích, sở trường, cá tính, năng lực riêng, nhờ vậy, cuộc sống trở nên đa dạng, phong phú. VB *Hai loại khác biệt* không chỉ nhấn mạnh yêu cầu thể hiện sự khác biệt trong cuộc sống, mà quan trọng hơn, sự khác biệt phải thực sự có ý nghĩa, làm nên giá trị riêng của mỗi người. Ngoài ra, VB thực hành đọc *Tiếng cười không muốn nghe* (Minh Đăng) cũng thuộc loại VB nghị luận và có chủ đề tương tự: sự vô lí của hành động cười cợt, nhạo báng người khác. Còn *Nhà thơ Lò Ngân Sún - người con của núi* (Minh Khoa) là một VB nghị luận văn học giới thiệu về một nhà thơ, người con của núi rừng Tây Bắc. Bên cạnh các VB nghị luận là VB đọc chính vừa nêu, Ngữ văn 6 còn có một số bài viết tham khảo để viết bài ở bài 2. *Gõ cửa trái tim*, bài 4. *Quê hương yêu dấu*. Đó có thể coi là những VB nghị luận văn học đơn giản.

Các VB nghị luận trong Ngữ văn 6 có nhiều điểm giống nhau về hình thức: ngắn gọn, vấn đề được bàn luận không xa lạ với cuộc sống hằng ngày của HS, quan điểm của người viết thể hiện rõ ràng, nhất quán, lí lẽ sắc bén và bằng chứng phù hợp, lập luận có sức thuyết phục. Các VB còn gần gũi nhau ở chỗ: đều có yếu tố kể chuyện, tuy nhiên kể chuyện chỉ là một cách nêu vấn đề, gợi suy nghĩ hoặc trình bày dẫn chứng lấy từ thực tế đời sống. Nghĩa là đặc trưng nghị luận vẫn không bị lu mờ bởi tính chất kể.

- Mục tiêu của việc dạy học đọc VB nghị luận trong Ngữ văn 6 chủ yếu là giúp HS nhận biết được đặc điểm nổi bật của VB nghị luận; tóm tắt được nội dung chính trong một VB nghị luận có nhiều đoạn; nhận ra được ý nghĩa của vấn đề được đặt ra trong VB đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân.

b. Chuẩn bị

- Những kiến thức GV cần nắm

+ Khái niệm VB nghị luận

VB nghị luận là loại VB có nội dung bàn bạc, đánh giá về một hiện tượng, vấn đề trong đời sống và trong khoa học, giáo dục, nghệ thuật,... Người tạo lập VB nghị luận bao giờ cũng hướng tới mục đích: thuyết phục người đọc, người nghe đồng tình với quan điểm, ý kiến của mình.

+ Lí lẽ trong VB nghị luận

Lí lẽ là những lời giải thích, phân tích, biện luận thể hiện suy nghĩ của người viết/nói về vấn đề. Những lời ấy phải được trình bày rõ ràng, mạch lạc, chặt chẽ nhằm



bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó. Khi đưa ra lí lẽ, người viết/ nói thường giải đáp các câu hỏi mà vấn đề gợi ra. Lí lẽ phải có tính khách quan, phổ biến, thuyết phục người đọc/ nghe bằng lẽ phải, chân lí, không thể chủ quan, áp đặt.

+ **Bằng chứng trong VB nghị luận**

Bên cạnh lí lẽ, bài văn nghị luận còn phải có các bằng chứng. Bằng chứng là những sự thật (nhân vật, sự kiện) hay tư liệu đảm bảo tính xác thực, có giá trị. Bằng chứng phải phù hợp với từng loại văn nghị luận. Nếu là nghị luận xã hội, phải dùng bằng chứng lấy từ thực tế đời sống, từ kết quả nghiên cứu khoa học. Nếu là nghị luận văn học thì bằng chứng chủ yếu lấy từ văn học. Bằng chứng kết hợp với lí lẽ làm cho lập luận có sức thuyết phục.

- **Phương tiện dạy học**

GV chủ yếu sử dụng PowerPoint để trình chiếu các nội dung cần thiết khi dạy phần đọc và phần viết.

c. Triển khai các hoạt động dạy học đọc VB nghị luận

Ngoài những hoạt động dạy học áp dụng chung khi mở đầu bài học (giới thiệu bài học, khám phá tri thức ngữ văn) và mở đầu mỗi VB đọc thuộc thể loại, loại VB chính trong bài (khởi động trước khi đọc), khi dạy học đọc VB nghị luận trong *Ngữ văn 6*, cần lưu ý mấy điểm sau:

- Hoạt động đọc VB: Dựa vào đặc điểm các VB nghị luận trong bài, GV hướng dẫn HS đọc trên lớp. GV cũng cần đọc mẫu (có thể chọn một số đoạn) và nói rõ yêu cầu của việc đọc (giọng đọc, âm lượng, tốc độ, cách biểu cảm,...). Trong quá trình đọc, GV nhắc HS chú ý chiến lược đọc được đặt trong các box. Chẳng hạn, ở VB *Xem người ta kia!*, chiến lược *theo dõi và suy luận* được nhấn mạnh, giúp HS nắm nội dung cũng như các thao tác nghị luận được sử dụng ở từng đoạn.
- Hoạt động khám phá VB (trả lời câu hỏi): Đây là công việc trọng tâm của phần Đọc. Trong dạy học đọc, GV và HS tương tác với nhau ở từng bước lên lớp mà GV đã thiết kế. GV cần lên “kịch bản” chi tiết, định hướng, dẫn dắt HS khám phá giá trị nội dung tư tưởng, đặc điểm hình thức thể loại của VB. Trong quá trình chuẩn bị giáo án, GV cần quan tâm đến những câu hỏi sau đọc ở các VB, bởi đó là chỗ gắn kết rõ nhất các hoạt động của GV và HS trong tiết học. Còn HS, khi đến lớp, dựa vào những chuẩn bị ở nhà, sẵn sàng tham gia trao đổi, thảo luận về những vấn đề được GV nêu lên.

1.6. Dạy học đọc VB thông tin

a. VB thông tin và mục tiêu dạy học đọc VB thông tin trong SGK Ngữ văn 6

- Trong *Ngữ văn 6* có 2 VB thông tin được chọn làm VB đọc chính: *Trái Đất – cái nôi của sự sống*, *Các loài chung sống với nhau như thế nào?*. Ngoài ra, có *Ai ơi mồng 9*

tháng 4, là VB 3 kết nối về chủ đề ở bài 6 và một VB thực hành đọc cuối bài 9. *Sinh vật trên Trái Đất được hình thành như thế nào?*. Các VB này được đưa vào hai bài học khác nhau: VB *Ai ơi mồng 9 tháng 4* ở bài 6. *Chuyện kể về những người anh hùng*; 3 VB còn lại ở bài 9. *Trái Đất – ngôi nhà chung*. Đây là sự cài đặt hợp lí, một mặt bảo đảm yêu cầu kết nối các nội dung, chủ đề, mặt khác giúp các bài học không rời vào tình trạng khô khan, nặng nề do tập trung tất cả các VB thông tin vào một bài.

- Các VB thông tin được chọn đọc trong *Ngữ văn 6* đều có dung lượng vừa phải, tương đối dễ tiếp nhận (do cách diễn đạt giản dị, sáng rõ và nội dung sát hợp với chủ đề bài học, không chứa đựng những kiến thức quá cao xa, kể cả những kiến thức khoa học). Tất cả đều là những ngữ liệu phù hợp, đáp ứng tốt yêu cầu của chương trình về phát triển kỹ năng đọc VB thông tin, từ đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức đến liên hệ, so sánh, kết nối. Ví dụ, VB *Ai ơi mồng 9 tháng 4* giúp HS nhận biết được đặc điểm của VB thông tin thuật lại một sự kiện, với cách triển khai VB theo trật tự thời gian; VB *Trái Đất – cái nôi của sự sống* giúp HS nhận biết và hiểu được cách triển khai VB thông tin theo quan hệ nhân quả, tác dụng của nhan đề, sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự trong VB; VB *Các loài chung sống với nhau như thế nào?* giúp HS hiểu được ý nghĩa của các số liệu với tư cách là một phương tiện biểu đạt phi ngôn ngữ.

b. Chuẩn bị

- **Những kiến thức GV cần nắm**

- + *Khái niệm VB thông tin*

VB thông tin là loại VB chủ yếu dùng để cung cấp thông tin về một đối tượng nào đó (sự vật, sự việc,...) phục vụ cho việc thông báo, giao dịch,... trong hoạt động giao tiếp. VB thông tin có thể được chia thành nhiều loại nhỏ theo các tiêu chí: tính chất của thông tin, cách triển khai thông tin, cấu trúc VB,... (*Ngữ văn 6* chỉ yêu cầu HS nắm bắt được đặc điểm của VB thông tin thuật lại một sự kiện – một loại VB thông tin được nhận diện theo tiêu chí nội dung, tính chất của thông tin).

- + *Các thành phần của VB thông tin*

VB thông tin trên báo chí thường có các phần: nhan đề, sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự, các đoạn văn, các hình ảnh, biểu đồ, sơ đồ,... (ở đây chỉ nói tới những thành phần mà chương trình yêu cầu HS nhận biết khi học *Ngữ văn 6*).

- + *Cách triển khai VB thông tin*

Cách triển khai VB thông tin thực chất là cách sắp xếp các phần của VB theo một trật tự phù hợp với nội dung thông tin và mục đích của việc truyền tải thông tin. Theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018, ở *Ngữ văn 6*, GV chỉ cần giúp HS nhận biết được hai cách triển khai: theo trật tự thời gian và theo quan hệ nhân quả. Cách triển khai theo trật tự thời gian thường được áp



dụng với các VB thông tin thuật lại một sự kiện. Các triển khai theo quan hệ nhân quả có thể được dùng ở nhiều loại VB thông tin, có đặc điểm: nguyên nhân được nêu trước, sau đó là kết quả, tất cả tạo thành một chuỗi liên tục.

+ **VB đa phương thức**

Đây là loại VB có sử dụng phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ như kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh,... Thực chất, VB đa phương thức chủ yếu gắn với VB thông tin, được xác định là một hình thức cấu tạo đặc thù của VB thông tin trong thời đại truyền thông đa phương tiện.

- **Phương tiện dạy học**

Để dạy học đọc VB thông tin, bên cạnh giáo án (thiết kế bài dạy – học) thông thường, GV cần chuẩn bị thêm giáo án điện tử, kèm theo bộ hồ sơ gồm các tranh ảnh minh họa, các tờ báo, tạp chí có bài viết phù hợp, có thể được dùng như tài liệu trực quan giúp HS hiểu rõ các thành phần của VB thông tin, đặc điểm của VB đa phương thức,...

c. Triển khai dạy học đọc VB thông tin

Ngoài những hoạt động dạy học đọc áp dụng chung khi mở đầu bài học (giới thiệu bài học, khám phá tri thức ngữ văn) và mở đầu mỗi VB đọc thuộc thể loại, loại VB chính trong bài (khởi động trước khi đọc), khi dạy học đọc VB thông tin trong *Ngữ văn 6*, cần lưu ý mấy điểm sau:

- GV cần dựa vào hệ thống chiến lược đọc được cài đặt bên cạnh phần VB đọc và các câu hỏi ở phần Sau khi đọc để hướng dẫn HS tìm hiểu VB. Khi đi vào một VB thông tin cụ thể, cần làm rõ: *VB nói về vấn đề gì? Thông tin trong VB được triển khai theo trình tự hay quan hệ nào? Các phương tiện phi ngôn ngữ đã được sử dụng ra sao? VB giúp em có thêm hiểu biết gì về vấn đề đời sống được đề cập?*
- Đối với việc đọc VB thông tin, vấn đề phát triển tư duy logic cho HS cần được ưu tiên. Việc đòi hỏi HS nắm được cách đưa thông tin quan trọng hơn việc yêu cầu các em nhớ từng thông tin cụ thể.

1.7. Dạy học Đọc mở rộng

a. Đọc mở rộng và mục tiêu của hoạt động đọc mở rộng trong Ngữ văn 6

- SGK *Ngữ văn 6* dành 6 tiết cho việc tổ chức hoạt động *Đọc mở rộng* tại lớp. Các tiết *Đọc mở rộng* tại lớp này đã được tính trong thời lượng 140 tiết toàn năm học lớp 6 cho môn Ngữ văn.
- Theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018, đọc mở rộng là hoạt động HS được tự tìm VB để đọc. Hoạt động này giúp HS hình thành, phát triển thói quen, hứng thú và kỹ năng tự tìm sách và đọc sách. Mục tiêu của tiết học *Đọc mở rộng* ở lớp là tạo cơ hội cho HS chia sẻ kết quả tự đọc sách của

mình với các bạn và với GV; đồng thời cũng tạo điều kiện cho GV nắm bắt được xu hướng, kĩ năng đọc sách của HS để kịp thời có những chỉ dẫn, định hướng phù hợp với yêu cầu giáo dục.

b. Chuẩn bị

- Để chuẩn bị cho tiết *Đọc mở rộng* tại lớp, ví dụ cho tiết đầu tiên trong 3 tiết được bố trí, sau khi học xong 3 bài *Tôi và các bạn*, *Gõ cửa trái tim*, *Yêu thương và chia sẻ*, GV cần giao nhiệm vụ cho HS tự tìm đọc (ngoài giờ lên lớp) các VB có cùng đặc điểm thể loại (truyện hoặc thơ) và chủ đề với các VB đã học trong những bài này.
- HS có thể chọn sách từ tủ sách của lớp, mượn của thư viện trường hoặc tìm ở hiệu sách và từ các nguồn khác. GV cần khuyến khích HS xây dựng tủ sách của lớp ngay từ đầu năm học, hướng dẫn các em cách tìm sách ở thư viện của trường và hiệu sách. Để chuẩn bị tốt cho tiết học *Đọc mở rộng*, GV cũng cần hướng dẫn cho HS sử dụng các phiếu đọc sách để ghi lại kết quả đọc sách và tiện cho việc trao đổi kết quả đọc.
- GV cần chuẩn bị một số VB đáp ứng yêu cầu về thể loại, loại VB và chủ đề để có thể giới thiệu thêm cho HS tìm đọc. Như đã nêu, qua hoạt động *đọc mở rộng*, *Ngữ văn 6* mong muốn giúp HS hình thành và phát triển thói quen, hứng thú, kĩ năng tự tìm kiếm sách để đọc. Nhưng nếu HS không có điều kiện tìm được đúng VB mà *Ngữ văn 6* yêu cầu, GV có thể linh hoạt điều chỉnh chủ đề sách phải tìm để hoạt động *đọc mở rộng* vẫn được thực hiện một cách hiệu quả.

c. Triển khai dạy học *Đọc mở rộng* trong *Ngữ văn 6*

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, trao đổi về nội dung và nghệ thuật của VB đã đọc. Chẳng hạn với VB thuộc thể loại truyện, HS có thể đặt các câu hỏi để trao đổi trong nhóm về: người kể chuyện (*Người kể chuyện trong truyện này là ai?*), cốt truyện (*Nêu các sự việc chính trong câu chuyện*), nhân vật (*Truyện có mấy nhân vật?*), lời người kể chuyện và lời nhân vật (*Cho biết đâu là lời người kể chuyện, đâu là lời nhân vật*),...
- Một số HS đại diện cho các nhóm chia sẻ trước lớp những ý kiến nổi bật đã trao đổi trong nhóm. Các HS khác nhận xét, đánh giá.
- GV nhận xét, đánh giá chung và biểu dương những HS đã thể hiện tốt kết quả tự đọc sách thông qua trao đổi trong nhóm hoặc trước lớp. GV khuyến khích HS trao đổi sách cho nhau để mở rộng nguồn tài liệu đọc.

1.8. Dạy học dự án đọc sách

a. Dự án đọc sách và mục tiêu của dạy học dự án đọc sách trong *Ngữ văn 6*

SGK *Ngữ văn 6* dành 8 tiết (2 tuần) cho hoạt động đọc sách trong bài 10. *Cuốn sách tôi yêu*, sau khi các yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói, nghe, thực hành tiếng Việt đã cơ bản

hoàn thành với 9 bài học trước đó. Để tổ chức hoạt động dạy học dự án trong môn Ngữ văn, cụ thể là hoạt động đọc sách thực sự đạt hiệu quả, GV cần lưu ý những vấn đề sau:

- Xác định rõ yêu cầu cần đạt của dự án đọc sách (trong mối quan hệ với yêu cầu cần đạt của hệ thống bài học trước đó): phát triển kĩ năng tự đọc sách của HS, nâng cao khả năng tự học và dần trở thành một người đọc độc lập, biết làm việc với sách và vận dụng, sáng tạo trên cơ sở những gì đã đọc.
- Định hướng chủ đề, thể loại VB mà HS cần lựa chọn, trên cơ sở các chủ đề bài học và thể loại VB của SGK *Ngữ văn 6*.

b. Lập kế hoạch tổ chức dự án đọc sách

Dựa vào kế hoạch dạy học môn Ngữ văn và kế hoạch năm học của nhà trường, GV có thể linh hoạt tổ chức các hoạt động của dự án đọc sách trong bài 10 vào thời gian thích hợp, có thể là sau khi Ôn tập và Kiểm tra cuối năm để HS có thể tham gia các hoạt động trong dự án học tập với tâm thế thoải mái và hứng thú hơn. Để tổ chức hình thức dạy học dự án đối với bài học này đạt hiệu quả, thu hút và gợi hứng thú với HS, sau khi nghiên cứu kĩ yêu cầu cần đạt, GV cần:

- Xác định rõ các hoạt động chính, tiến độ thực hiện hoạt động, sản phẩm dự kiến và các hình thức trình bày sản phẩm (báo cáo kết quả dự án) đã được định hướng trong bài học. GV cần lập kế hoạch tổ chức thực hiện dự án *Cuốn sách tôi yêu* một cách cụ thể và phù hợp với đối tượng HS của lớp mình.
- Phối hợp với GV dạy các môn học và hoạt động giáo dục khác như Mĩ thuật, Âm nhạc, Hoạt động trải nghiệm,... để có thể tổ chức hoạt động một cách sáng tạo, hấp dẫn.
- Nghiên cứu kĩ kế hoạch năm học, kế hoạch dạy học của nhà trường, từ đó xây dựng phương án sử dụng quỹ thời gian, điều chỉnh thời lượng phân bổ cho bài học một cách linh hoạt khi tổ chức hoạt động chuẩn bị (tập luyện) và báo cáo kết quả (trình bày, giới thiệu sản phẩm sau khi đọc). Thời lượng phân bổ cho bài học này trong môn *Ngữ văn* là 8 tiết nhưng khi tích hợp hoạt động của các môn học khác, quỹ thời gian dành cho các hoạt động cụ thể có thể tăng lên. Phạm vi của dự án cũng không chỉ giới hạn trong một lớp mà có thể mở rộng ra cả khối lớp hoặc toàn trường, khi có sự liên kết, phối hợp nhịp nhàng giữa các hoạt động được thực hiện theo kế hoạch năm học của nhà trường.
- Khi lập kế hoạch dạy học dự án đọc sách, cần xác định rõ các hoạt động, nội dung, sản phẩm của hoạt động và phân công nhiệm vụ cụ thể để HS có thể thực sự tham gia vào các hoạt động, tạo ra được sản phẩm cụ thể sau quá trình đọc, viết, trình bày, giới thiệu được sản phẩm khi nói và nghe (báo cáo dự án). Tham khảo mẫu kế hoạch sau đây:

Tên Dự án: Cuốn sách tôi yêu

Chủ đề: Gõ cửa trái tim & Khác biệt và gần gũi

| Thời gian | Tiến trình tổ chức | | Sản phẩm | Phân công nhiệm vụ | |
|-----------|------------------------------|---|--|--------------------|-------|
| | Tiết | Hoạt động | | Ở lớp | Ở nhà |
| 1 | Khởi động | Giới thiệu bài học; Tri thức ngữ văn | Danh mục sách được chọn; Poster chung của Dự án; Góc đọc sách của nhóm, lớp. | | |
| 2, 3, 4 | Thực hiện dự án: Đọc | Thách thức đầu tiên: Mỗi ngày một cuốn sách | Nhật ký đọc sách của nhóm (poster, phiếu đọc sách) | | |
| 5, 6 | Thực hiện dự án: Viết | Thách thức thứ hai: Sáng tạo cùng tác giả | Sản phẩm nghệ thuật minh họa sách (kết hợp viết và vẽ minh họa); bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc. | | |
| 7, 8 | Báo cáo kết quả: Nói và nghe | Về đích: Ngày hội với sách | Bài trình bày trực tiếp hoặc băng hình, đoạn phim ngắn ghi lại nội dung nhóm, cá nhân trình bày, giới thiệu sản phẩm minh họa sách hoặc ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc. | | |

c. Chuẩn bị phương tiện thực hiện

Để đáp ứng yêu cầu cần đạt của dự án, GV cần huy động các phương tiện dạy học và cơ sở vật chất của nhà trường, của cộng đồng phụ huynh HS một cách hiệu quả:

- Thư viện nhà trường và/ hoặc các góc đọc sách của lớp: có quy mô phù hợp và có một số cuốn sách theo các chủ đề học tập đã được định hướng.
- Các phương tiện dạy học khác: có đủ màu vẽ, giấy vẽ, tư liệu hình ảnh minh họa: tranh ảnh, phim ngắn (nếu có),...

d. Quy trình tổ chức thực hiện dự án đọc sách

Bước 1: Nghiên cứu yêu cầu cần đạt

Bước 2: Lập kế hoạch thực hiện và phân công nhiệm vụ theo kế hoạch

Bước 3: Tổ chức thực hiện dự án

- Hoạt động khởi động dự án đọc sách: thu hút HS tham gia dự án bằng các trò chơi, cuộc thi vui phù hợp điều kiện của trường, lớp.
- Hoạt động sáng tạo sản phẩm: Đọc, viết, có thể kết hợp vẽ minh họa. Nếu có điều kiện thì có thể xây dựng các đoạn video clip ngắn, kịch bản để biểu diễn hoạt cảnh (tùy điều kiện của địa phương, nhà trường và năng lực của HS).



- Hoạt động báo cáo kết quả dự án: trình bày, giới thiệu sản phẩm, biểu diễn hoạt cảnh (nếu chuẩn bị được).

Các hoạt động cụ thể thuộc quy trình tổ chức dự án đọc sách theo hình thức tích hợp nội môn và liên môn (môn *Ngữ văn* và các môn học thuộc lĩnh vực giáo dục nghệ thuật) đã được hướng dẫn chi tiết trong SHS, SGV. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện của nhà trường và năng lực của HS, GV có thể phát triển, mở rộng và sáng tạo thêm trên cơ sở hướng dẫn của tài liệu tập huấn và SGK.